ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2145 /SNN&PTNT - KHTC V/v rà soát, đề xuất điểm dừng kỹ thuật dự án: Đê, kè biển xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương.	*Thanh Hoá, ngày 12 tháng 6 năm 2019*

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 4521/UBND-THKH ngày 16/4/2019 về việc chủ trương tiếp tục thi công hoàn thành dự án Đê, kè biển xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương. Trong đó giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát đến điểm dừng kỹ thuật phần kè của dự án. Để có cơ sở báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tham gia ý kiến về dự thảo văn bản báo cáo UBND tỉnh đề xuất điểm dừng kỹ thuật dự án: Đê, kè biển xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương *(có văn bản dự thảo gửi kèm theo)*. Văn bản tham gia ý kiến của Quý Sở đề nghị gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 17/6/2019.

Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm phối hợp./.

Nơi nhận: - Như trên; - Giám đốc Sở {để báo cáo}; - Lưu: VT, KHTC.	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** **Đặng Tiến Dũng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /SNN&PTNT - KHTC	*Thanh Hoá, ngày tháng năm 2019*
V/v rà soát, đề xuất điểm dừng kỹ thuật dự án: Đê, kè biển xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương.	

Dự thảo

Kính gửi: UBND tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 4521/UBND-THKH ngày 16/4/2019 về việc chủ trương tiếp tục thi công hoàn thành dự án Đê, kè biển xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương. Trên cơ sở tình hình thực tế và đề nghị của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT (Ban QLDA) tại Văn bản số 497/BQLDANN-ĐHDA2 ngày 24/5/2019, Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất điểm dừng kỹ thuật dự án: Đê, kè biển xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương, cụ thể như sau:

1. Hiện trạng dự án đã triển khai thi công:

1.1. Tuyến kè biển:

Đã thi công: Tường chắn đất phía biển đoạn K0÷K0+100 (đạt 100/300m); Gia cố kè lát mái đoạn K0+440÷K0+655 (đạt 215/ 3.014,81m); Sản xuất cấu kiện BTĐS lát mái kè: 93.600/156.019 cấu kiện.

1.2. Nền mặt đường:

Đã thi công đắp đất 710/3.314,81m với chiều rộng 30m, cụ thể:

- Đoạn từ K0 ÷ K0+100 (L=100m) và K0+380 ÷ K0+655 (L= 275m): thi công xong lớp đất đắp K≥0.95, K≥0.98 và móng CPĐD loại 2;

- Đoạn từ K1+845 ÷ K2+180 (L=335m): Thi công xong lớp đất đắp K≥0.95.

Đã thi công rãnh thoát nước dọc tuyến: 375/3.314m (từ K0÷K0+100 dài 100m và K0+380÷K0+655 dài 275m).

2. Đề xuất điểm dừng kỹ thuật:

Qua khảo sát thực tế hiện trạng xâm thực bờ biển thì đoạn từ K0+00 ÷ K2+180 (giáp khách sạn Thái Thu) là đoạn có hiện trạng xâm thực bờ biển đang diễn biến phức tạp, đoạn còn lại từ K2+180 đến K3+314,81 (cuối tuyến công trình) hiện trạng khu vực này bờ biển ổn định, có hệ thống đê bao của đồng tôm bảo vệ. Mặt khác khối lượng công việc các nhà thầu thi công thực hiện trên công trường đến thời điểm hiện nay chủ yếu do 2 nhà thầu là Tổng công ty cổ phần ĐTXD Minh Tuấn và Công ty cổ phần đầu tư Xây dựng và Thương mại Huy Hoàn thi công trên đoạn từ K0+00 ÷ K2+180, đồng thời công

tác đền bù GPMB thì UBND huyện Quảng Xương mới phê duyệt dự toán đền bù cơ bản cho đoạn này.

Để sử dụng hết khối lượng công việc mà các nhà thầu đã thực hiện, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất điểm dừng kỹ thuật cụ thể như sau:

2.1. Đoạn từ K0+000 ÷ K2+180

Tuyến kè biển:

Tiếp tục đầu tư tuyến kè biển với chiều dài tuyến L=2.180m theo thiết kế BVTC-DT đã được phê duyệt cụ thể:

- Đoạn tường chắn phía biển từ K0÷K0+300: Đoạn K0÷K0+100 dài 100m đã thi công hoàn thành, tiếp tục thi công đoạn K0+100 ÷ K0+300 theo thiết kế đã duyệt.

- Thi công hoàn thiện tuyến kè từ K0+300÷K2+180 (đã thi công đoạn K0+440÷K0+655 dài 215m). Theo tính toán số lượng cấu kiện cần thiết để lát mái kè từ K0+300÷K2+180 khoảng 99.216 CK, như vậy sẽ sử dụng hết cấu kiện đã sản xuất.

Phần nền mặt đường

- Những đoạn đã thi công (K0÷K0+100; K0+380÷K0+655; K1+845 ÷ K2+180 với tổng chiều dài 710m): Giữ nguyên hiện trạng phần đã thi công, đắp đất bổ sung giáp phần kè K≥0.95 đến cao trình đỉnh kè (+5.5m), với chiều rộng đắp đất bằng chiều rộng vỉa hè B=5.0m để bảo vệ phần gia cố mái.

- Những đoạn chưa thi công (K0+100÷K0+380; K0+655÷K1+845 với tổng chiều dài 1470m) đắp đất K≥0.95 giáp phần kè đến cao trình đỉnh kè (+5.5m), với chiều rộng bằng chiều rộng vỉa hè B=5.0m.

2.2. Đoạn từ K2+180 ÷ K3+314,81: Tạm dừng chưa thực hiện giai đoạn này.

2.3. Đường thi công kết hợp cứu hộ cứu nạn số 1 tại K0+00 (chiều dài 431m): hoàn trả đường đã thi công đến lớp móng CPĐD loại 2.

2.4. Các hạng mục còn lại gồm: Mặt đường giao thông, vỉa hè, an toàn giao thông, giải phân cách, rãnh thoát nước, cây xanh, điện chiếu sáng; đường thi công số 2, số 3 và phần còn lại của đường thi công số 1 tạm dừng chưa thực hiện giai đoạn này.

3. Kinh phí dự kiến:

Tổng kinh phí dự kiến: **58.184 triệu đồng** *(Năm mươi tám tỷ, một trăm tám mươi tư triệu đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 38.184 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn; RPBM; Chi khác..: 10.000 triệu đồng;
- Chi phí GPMB: 10.000 triệu đồng;

- Vốn đã cấp: 29.495 triệu đồng;
- Nhu cầu vốn còn lại: 28.689 triệu đồng.

4. Kiến nghị:

- Trên cơ sở nguồn vốn dự kiến được cấp để tiếp tục thực hiện dự án tại Công văn số 1187/SKHĐT-KTNN ngày 07/3/2019; số 3272/SKHĐT-KTNN ngày 06/6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và tình hình thực tế tại hiện trường công trình, Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất lựa chọn điểm dừng kỹ thuật như trên. Tuy nhiên, việc thực hiện đến điểm dừng kỹ thuật không đáp ứng được mục tiêu của dự án. Vì vậy, khi có điều kiện về nguồn vốn đề nghị UBND tỉnh xem xét, tiếp tục đầu tư hoàn thành dự án theo thiết kế, đáp ứng yêu cầu phòng chống lụt bão, góp phần phát triển cơ sở hạ tầng của địa phương, tạo thuận lợi cho phát triển du lịch, đảm bảo hoàn thành mục tiêu của dự án đã đề ra.

- Do thi công đắp đất giáp phần kè đến cao trình (+5.5m), rộng 5.0m nên kiến nghị trung bình cứ 300m bố trí 01 rãnh thoát nước để đảm bảo thoát nước mưa và nước mặt ra phía biển, tránh gây ngập phía dân cư.

(có phụ lục kinh phí dự kiến và sơ họa mặt cắt kèm theo)

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- PGĐ Sở Đặng Tiến Dũng;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1: KINH PHÍ DỰ KIẾN THEO ĐIỂM DỪNG KỸ THUẬT PHƯƠNG ÁN 1
DỰ ÁN: ĐÊ, KÈ BIỂN XÃ QUẢNG THÁI, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
(Kèm theo công văn số: /SNN&PTNT-KHTC ngày tháng 6 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị: Đồng

STT	Hạng mục	Khối lượng	Đơn vị	Kinh phí	Ghi chú
A	**Giải pháp kỹ thuật**				
I	**Công trình Nông nghiệp và PTNT**				
1	Tuyến kè			28.261.672.594,88	1.880/3.014,81m
2	Bến tắm (bậc lên xuống)			264.469.908,41	6/10 bến tắm
3	Dầm khóa đầu, cuối kè			21.890.302,95	toàn bộ
4	Khối lượng phục vụ thi công			175.762.584,00	2/3 bãi đúc
II	**Công trình giao thông**				
2	Tường chắn đất (300m đầu tuyến)			1.219.010.088,79	Đã thi công 100m
3	Gờ chắn BTCT trên mái kè (K0+600-K1+500)			1.106.309.427,32	toàn bộ KL
4	Nền, mặt đường				
a	Nền đường				2.180/3.314,81m
	Vét bùn, hữu cơ và vận chuyển ra bãi thải	4.847,95	m3	160.339.495,54	
	Đào thi công đường	11.461,92	m3	216.597.190,42	
	Đắp đất (K≥0.95)				
	- Nền 30m (dài 710m)	8.067,74	m3	1.440.733.217,36	Đã thi công
	- Nền 5m (dài 1470m)	9.782,45	m3	1.746.945.680,41	
	Đắp đất (K>=0.98)				
	- Nền 30m (dài 375m)	5.936,33	m3	1.113.792.934,04	Đã thi công
	Trồng cỏ	2.747,38	m2	49.037.271,62	
b	Mặt đường				
	CPĐD loại 2	1.414,01	m3	538.963.924,34	Đã thi công 375m
5	Đường thi công số 1				
	Đất đào và vận chuyển ra bãi thải	1.862,69	m3	104.735.556,84	
	Đắp đất K>=0,95	256,72	m3	45.844.937,63	

	Đắp đất K>=0,98 dày 30cm	818,34	m3	153.539.525,62	
	Cấp phối đá dăm loại 2 dày 18cm	491,02	m3	183.862.335,89	
6	Rãnh thoát nước - Hố thu (tuyến chính)				Đã thi công
	Đá dăm đệm dày 10cm	29,34	m3	21.421.075,32	
	Bê tông M250 đá (1x2)cm	139,55	m3	187.072.496,55	
	Thép các loại	10.522,78	kg	180.507.768,12	
	Ván khuôn	1.255,10	m2	56.411.724,60	
	Lắp đặt tấm đan	326,00	tấm	37.187.472,00	
7	Hố ga thu rãnh hình chữ nhật (HT)				Đã thi công
	Đá dăm đệm rãnh dẫn+đáy hố thu dày 10cm	1,52	m3	1.109.748,96	
	Bê tông M250 đá (1x2)cm	4,51	m3	5.820.191,08	
	Ván khuôn	38,22	m2	1.939.741,44	
	Thép các loại	358,54	Kg	6.766.366,88	
	Lắp đặt đế hố ga	13,00	cái	4.113.148,00	
8	Bó vỉa trên đoạn thẳng				Đã thi công
	Bê tông bó vỉa M200	112,20	m3	150.637.924,80	
	Ván khuôn bó vỉa	1.827,51	m2	162.140.342,22	
9	Dải phân cách giữa				Đã thi công
	Bê tông bó vỉa M200	231,00	m3	310.136.904,00	
	Ván khuôn bó vỉa	2.872,80	m2	254.880.561,60	
B	**Nguồn vốn và kinh phí dự kiến**			**58.184.000.000,00**	
I	**Kinh phí dự kiến**				
1	Giá trị xây lắp dự kiến			38.184.000.000,00	
2	GPMB dự kiến			10.000.000.000,00	
	- Đã phê duyệt dự toán			8.061.327.000,00	
	- Dự kiến đoạn còn lại (Đầm tôm Trang Sơn)			1.938.673.000,00	
3	Chi phí tư vấn; rà phá bom mìn; chi khác… ước tính			10.000.000.000,00	
	- Đã thanh toán, giải ngân			8.890.000.000,00	
	- Dự kiến kinh phí còn thiếu			1.110.000.000,00	
II	**Nguồn vốn**			**29.495.000.000,00**	
1	Vốn được cấp			29.495.000.000,00	
	- Ngân sách TW			20.495.000.000,00	
	- Ngân sách tỉnh			9.000.000.000,00	
2	Giải ngân			29.495.000.000,00	
	- Ngân sách TW			20.495.000.000,00	

	- Ngân sách tỉnh	9.000.000.000,00	
3	Dư ứng	5.976.000.000,00	
	- Xây lắp (Cty Bắc Nam)	5.976.000.000,00	
III	**Kinh phí dự kiến còn thiếu**		
1	Nếu số dư ứng (5,976 tỷ đồng) sau khi thu hồi ứng sẽ chuyển cho dự án	**28.689.000.000,00**	
	- Ngân sách TW dự kiến cấp	24.505.000.000,00	
	- Kinh phí còn thiếu	4.184.000.000,00	
2	Nếu số dư ứng (5,976 tỷ đồng) sau khi thu hồi ứng không được chuyển cho dự án	**34.665.000.000,00**	
	- Ngân sách TW dự kiến cấp	30.481.000.000,00	
	- Kinh phí còn thiếu	4.184.000.000,00	